

Số: 39 /NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của
Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05
năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân
sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 496/TTr-UBND
ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng
nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn và thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 110/BC-
HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu,
chi ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Tiền Giang như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 8.801 tỷ đồng, bằng 85,55% dự toán năm 2023 và bằng 86,44% so với ước thực hiện năm 2023. Bao gồm:

- Thu nội địa: 8.531 tỷ đồng. Trong đó:
- + Thu tiền sử dụng đất: 1.000 tỷ đồng;
- + Thu xổ số kiến thiết: 1.830 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 270 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 8.801 tỷ đồng được phân theo khu vực thu như sau:

- Khu vực tỉnh thu: 6.455,700 tỷ đồng;
- Khu vực huyện, xã thu: 2.345,300 tỷ đồng.

2. Thu, chi ngân sách địa phương

a) Thu ngân sách địa phương

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương năm 2024 là 14.457,018 tỷ đồng. Bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 8.110,230 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.779,299 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung cân đối ngân sách: 2.764,482 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung có mục tiêu: 3.014,817 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024 để thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định hiện hành: 567,489 tỷ đồng.

b) Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 là 14.456,318 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 12.872,181 tỷ đồng. Bao gồm:
- + Chi đầu tư phát triển: 3.483,181 tỷ đồng.
- + Chi thường xuyên: 9.152,580 tỷ đồng, trong đó:
 - . Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 3.850,281 tỷ đồng;
 - . Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 37,309 tỷ đồng;
- + Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.
- + Dự phòng ngân sách: 235,220 tỷ đồng.

+ Chi trả nợ lãi vay: 0,200 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.584,137 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.240,020 tỷ đồng;

+ Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu: 73,651 tỷ đồng;

+ Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 270,466 tỷ đồng. Bao gồm:

. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 194,882 tỷ đồng;

. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 75,584 tỷ đồng.

Với tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 là 14.456,318 tỷ đồng phân theo khu vực chi như sau:

- Cấp tỉnh chi: 6.718,709 tỷ đồng;

- Cấp huyện và xã chi: 7.737,609 tỷ đồng.

c) Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài

Tổng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài là 15,721 tỷ đồng.

3. Bội thu ngân sách địa phương

Tổng số bội thu ngân sách địa phương năm 2024 là 0,700 tỷ đồng.

4. Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương

Tổng số chi trả nợ gốc năm 2024 là 0,700 tỷ đồng, được sử dụng từ nguồn bội thu ngân sách địa phương năm 2024 là 0,700 tỷ đồng.

5. Tổng mức vay của ngân sách địa phương

Tổng mức vay trong năm là 0 tỷ đồng.

6. Biện pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2024

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2024, cần quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó tập trung tổ chức thực hiện 09 nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Tăng cường huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của các

tổ chức, cá nhân trong việc tự giác chấp hành, thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chính sách, pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa bàn, đối tượng nộp thuế; tích cực vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên và Nhân dân tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, nhất là pháp luật về thuế.

Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật nói chung và nhất là chính sách, pháp luật về thuế. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường nắm bắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách nhà nước; kịp thời biểu dương các doanh nghiệp, cá nhân và các địa phương làm tốt công tác thu ngân sách nhà nước.

b) Triển khai các giải pháp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khôi phục tăng trưởng kinh tế, đồng thời kiểm soát chặt dịch bệnh, tạo cơ sở quan trọng nuôi dưỡng nguồn thu. Chủ động triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách ưu đãi cho sự phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thu hút các doanh nghiệp đến tỉnh đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu hút các nhà đầu tư vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm mở rộng nguồn thu.

c) Quyết liệt thực hiện các giải pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu, nắm chắc các nguồn thu và số lượng người nộp thuế. Đồng thời, xác định cụ thể các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý thuế hiệu quả. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế. Thực hiện có hiệu quả Luật Quản lý thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước, quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử và nền kinh tế số.

d) Tăng cường công tác quản lý thu; chống thất thu, chống chuyển giá; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra thuế, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế; quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế; đảm bảo đúng đối tượng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

đ) Tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thuế. Đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan, nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký khai thuế cho doanh nghiệp và người dân.

e) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Nhà nước quy định để quản lý chi ngân sách theo đúng chế độ quy định; đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, tổ chức chi theo dự toán. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai và giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

g) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư một cách công khai, minh bạch và đảm bảo tính khả thi. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thực sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

h) Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo Đề án 02-ĐA/TU ngày 21/3/2018 của Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Tiền Giang theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập để phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, tài sản, tài chính của Nhà nước và thu hút các nguồn lực ngoài Nhà nước, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình; hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

i) Đẩy mạnh cải cách hành chính kết hợp chuyển đổi số. Tổ chức công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chi đúng chế độ quy định, đề cao và làm rõ trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng đơn vị thụ hưởng ngân sách trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khoá X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB.MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Bình**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	14.101.190	19.854.542	14.457.018	-5.397.524	72,81
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	9.390.740	9.453.803	8.110.230	-1.343.573	85,79
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.405.940	3.628.303	3.391.030	-237.273	93,46
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	5.984.800	5.825.500	4.719.200	-1.106.300	81,01
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.710.450	4.710.450	5.779.299	1.068.849	122,69
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.710.282	2.710.282	2.764.482	54.200	102,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.000.168	2.000.168	3.014.817	1.014.649	150,73
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				0	
IV	Thu kết dư		93.409		-93.409	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.596.880	567.489	-5.029.391	
B	TỔNG CHI NSDP	14.110.390	19.755.275	14.456.318	-5.298.957	73,18
I	Tổng chi cân đối NSDP	12.110.222	17.755.107	12.872.181	-4.882.926	72,50
1	Chi đầu tư phát triển	3.463.281	6.350.889	3.483.181	-2.867.708	54,85
2	Chi thường xuyên	8.410.721	8.601.319	9.152.580	551.261	106,41
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	0		200	200	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	3.065	1.000	-2.065	32,63
5	Dự phòng ngân sách	235.220	235.220	235.220	0	100,00
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	2.564.614	0	-2.564.614	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	2.000.168	2.000.168	1.584.137	-416.031	79,20
1	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.674.300	1.674.300	1.240.020	-434.280	74,06
2	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT	70.078	70.078	73.651	3.573	105,10
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	255.790	255.790	270.466	14.676	105,74
a	Chương trình MTQG Nông thôn mới	192.274	192.274	194.882	2.608	101,36
	- Chi đầu tư phát triển	153.460	153.460	155.785	2.325	
	- Chi sự nghiệp	38.814	38.814	39.097	283	100,73
b	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	63.516	63.516	75.584	12.068	
	- Chi đầu tư phát triển	3.884	3.884	4.667	783	
	- Chi sự nghiệp	59.632	59.632	70.917	11.285	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				0	
C	BỘI CHI NSDP	9.200			0	
D	BỘI THU NSDP			700	700	
E	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	2.200	2.206	700	-1.506	31,73
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	2.200	0		0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	2.206	700	-1.506	
G	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	11.400	3.148	0	-3.148	
I	Vay để bù đắp bội chi	9.200	3.148	0	-3.148	
II	Vay để trả nợ gốc	2.200	0	0	0	



Biểu mẫu số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	10.182.000	9.453.803	8.801.000	8.110.230	86,44	85,79
I	Thu nội địa	9.888.000	9.453.803	8.531.000	8.110.230	86,28	85,79
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	139.500	139.500	137.000	137.000	98,21	98,21
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	123.000	123.000	115.000	115.000	93,50	93,50
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.025.000	3.025.000	2.080.000	2.080.000	68,76	68,76
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.245.000	1.245.000	1.210.000	1.210.000	97,19	97,19
5	Thuế thu nhập cá nhân	900.000	900.000	825.000	825.000	91,67	91,67
6	Thuế bảo vệ môi trường	655.000	393.000	620.000	372.000	94,66	94,66
7	Lệ phí trước bạ	322.000	322.000	280.000	280.000	86,96	86,96
8	Thu phí, lệ phí	131.500	82.070	137.000	85.000	104,18	103,57
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp	23.500	23.500	18.000	18.000	76,60	76,60
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	39.000	39.000	40.000	40.000	102,56	102,56
11	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100,00	100,00
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	3.000	3.000	1.000	1.000	33,33	33,33
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.900.000	1.900.000	1.830.000	1.830.000	96,32	96,32
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.500	6.960	5.500	4.730	73,33	67,96
15	Thu khác ngân sách	348.000	225.773	230.000	110.000	66,09	48,72
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.500	20.500	1.500	1.500	7,32	7,32
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức	5.500	5.500	1.000	1.000	18,18	18,18
II	Thu từ dầu thô	0					
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	294.000		270.000		91,84	
IV	Thu viện trợ						



Biểu mẫu số 03

DỰ TOÁN CHI NGAN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 32/QĐ-NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	14.110.390	14.456.318	345.928	102,45
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	12.110.222	12.872.181	761.959	106,29
I	Chi đầu tư phát triển (1)	3.463.281	3.483.181	19.900	100,57
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.463.281	3.483.181	19.900	100,57
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	654.081	653.181	-900	99,86
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000	0	100,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000	1.830.000	30.000	101,67
-	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	9.200		-9.200	0,00
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	8.410.721	9.152.580	741.859	108,82
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.492.028	3.850.281	358.253	110,26
2	Chi khoa học và công nghệ	37.309	37.309	0	100,00
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		200	200	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	235.220	235.220	0	100,00
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	2.000.168	1.584.137	-416.031	79,20
I	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.674.300	1.240.020	-434.280	74,06
II	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT	70.078	73.651	3.573	105,10
III	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	255.790	270.466	14.676	
1	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	192.274	194.882	2.608	
	- Chi đầu tư phát triển	153.460	155.785	2.325	
	- Chi sự nghiệp	38.814	39.097	283	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	63.516	75.584	12.068	
	- Chi đầu tư phát triển	3.884	4.667	783	
	- Chi sự nghiệp	59.632	70.917	11.285	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	19.854.542	14.457.018	-5.397.524
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	19.755.275	14.456.318	-5.298.957
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		0	0
D	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	99.267	700	-98.567
E	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP THEO QUY ĐỊNH	2.836.141	2.433.100	-403.041
G	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	6.561	7.503	942
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	0,23	0,31	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	4.971	7.503	2.532
	Dự án tăng cường quản lý đất đai VILG	4.971	7.503	2.532
3	Vốn khác (Vay tín dụng ưu đãi của NHPT)	1.590	0	-1.590
	Vay tôn nền cụm tuyến dân cư	1.590	0	-1.590
II	Trả nợ gốc vay trong năm	2.206	700	-1.506
1	Theo nguồn vốn vay	2.206	700	-1.506
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	616	700	84
	Dự án tăng cường quản lý đất đai VILG	616	700	84
-	Vốn khác (Vay tín dụng ưu đãi của NHPT)	1.590	0	-1.590
	Vay tôn nền cụm tuyến dân cư	1.590		-1.590
2	Theo nguồn trả nợ	2.206	700	-1.506
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0		0
-	Bội thu NSĐP		700	700
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			0
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	2.206		-2.206
III	Tổng mức vay trong năm	3.148	0	-3.148

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
1	Theo mục đích vay	3.148	0	-3.148
-	Vay để bù đắp bội chi	3.148		-3.148
-	Vay để trả nợ gốc	0		0
2	Theo nguồn vay	3.148	0	-3.148
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	3.148	0	-3.148
	<i>Dự án tăng cường quản lý đất đai VILG</i>	<i>3.148</i>		
-	Vốn trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	7.503	6.803	-700
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>0,26</i>	<i>0,28</i>	<i>0,02</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương		0	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	7.503	6.803	-700
	<i>Dự án tăng cường quản lý đất đai VILG</i>	<i>7.503</i>	<i>6.803</i>	<i>-700</i>
3	Vốn khác	0	0	0
	<i>Vay tôn nền cụm tuyến dân cư</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
H	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	200	200	0